

UBND XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN

BÁO CÁO
Công khai thông tin thu- chi tài chính năm học 2024-2025

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tồn lại
A	PHẦN THU		
I	Thu từ học sinh	2.390.959.000	
1	Vận động tài trợ	338.500.000	
2	Tiền thu học bán trú	955.955.000	
3	Tiền thu đồ dùng bán trú	36.920.000	
4	Tiền phô tô bài thi	19.086.000	
5	Tiền học tiếng anh tăng cường	739.260.000	
6	Tiền học STEM	199.225.000	
II	Thu ngân sách	15.419.071.000	
	Thu ngân sách từ tháng 9/2024- tháng 12/2025	15.152.336.000	
	Chi lương, phụ cấp lương , chi khác đến ngày 12/9/2025	10.974.596.000	
	Chi thưởng cho CB,GV,CNV danh hiệu cuối năm học 2023-2024	22.860.000	
	Chi thưởng cho CB,GV,CNV theo NĐ 73 cuối năm 2024	196.875.000	
	Chi thưởng cho CB,GV,CNV danh hiệu cuối năm học 2024-2025	47.000.000	
	Lương và phụ cấp lương còn từ T10-T12/2025	3.980.220.000	
	Chi khác cả năm 2025 là 446.000.000 đồng, từ T9-T12/2025 còn là	197.520.000	
	Tổng thu	17.810.030.000	
B	PHẦN CHI	2.384.063.000	
1	Vận động tài trợ	338.500.000	0
1.1	Chuyển khoản tiền mua 6 bộ máy vi tính, 4 màn hình thay thế phòng Tin học theo hóa đơn số 7 ngày 21/01/2025	56.080.000	
1.2	Chuyển khoản tiền sửa chữa thay thế linh kiện máy vi tính phòng Tin học theo hóa đơn số 8 ngày 21/01/2025	6.424.000	
1.3	Chuyển khoản tiền mua 02 bộ máy vi tính phòng Tin học theo hóa đơn số 28 ngày 15/04/2025	15.980.000	
1.4	Chuyển khoản tiền mua 2 quạt tường, 1 quạt trần, bóng đèn, phụ kiện thay thế sửa chữa điện nước cho nhà trường theo hóa đơn số 210 ngày 04/06/2025	10.689.000	
1.5	Chuyển khoản tiền mua 4 đèn năng lượng mặt trời, 3 quạt trần điện cơ theo hóa đơn số 248 ngày 24/06/2025	9.327.000	
1.6	Chuyển khoản tiền Công trình cải tạo Sơn sửa chữa một số hạng mục phụ trợ dãy nhà phía Nam và dãy nhà phía Bắc, làm sân khấu (theo hóa đơn số 16 ngày 10/09/2025	237.261.000	
1.7	Mua 01 cái thang, dây điện sửa chữa sau nhà hiệu bộ	2.739.000	

2	Tiền bán trú	955.955.000	0
2.1	Chi cho trực bảo mẫu buổi trưa	486.720.000	
2.2	Chi cho thuê người nấu ăn phục vụ học sinh	353.455.000	
2.3	Chi cho trực quản lý ,phục vụ buổi trưa	44.480.000	
2.4	Chi tiền điện, nước tăng thêm	30.800.000	
2.5	Chi cho bảo vệ, lao công	14.000.000	
2.6	Chi mua, chất tẩy rửa vệ sinh, giấy vệ sinh ...	26.500.000	
3	Chi tiền mua đồ dùng học sinh bán trú	36.920.000	0
4.1	Chi mua đồ dùng nhà bếp, bổ sung đồ dùng ở các lớp	36.920.000	
4	Phô tô bài thi học sinh	19.086.000	
4.1	Chi in ấn phô tô bài thi học sinh cả năm	19.086.000	
5	Chi tiền học tiếng anh tăng cường	739.260.000	0
5.1	Chi cho trung tâm dạy 80%	591.408.000	
5.2	Trong đó: Chi trả quản lý lớp của GVCN	50.760.000	
5.3	Chi quản lý, phục vụ	118.671.000	
5.4	Tăng cường CSVC, thuế	29.181.000	
6	Chi tiền học STEM	199.225.000	0
6.1	Chi cho trung tâm 40%	79.690.000	
6.2	Chi cho GVCN dạy	96.768.000	
6.3	Nạp 1% thuế	2.780.000	
6.4	Chi quản lý, phục vụ	14.982.000	
6.5	Tăng cường CSVC	5.005.000	
	Tổng chi	2.384.611.000	

KẾ TOÁN**HIỆU TRƯỞNG****Đặng Thị Bình****Lê Đình Bang**

UBND XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN

BÁO CÁO
Kế hoạch thu- chi tài chính năm học 2025-2026

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tồn lại
A	PHẦN THU		
I	Thu từ học sinh	2.814.059.000	
1	Vận động tài trợ	355.500.000	
2	Tiền thu học bán trú 750 em x 145.000 x 9 tháng	978.750.000	
3	Tiền thu đồ dùng bán trú 750 em x 50.000	37.500.000	
4	Tiền phô tô bài thi (K1,2,3 x18.000; K4,5 x36.000)	20.934.000	
5	Tiền học tiếng anh tăng cường 730 em x 35 tuần x 40.000đ/ tuần	1.022.000.000	
6	Tiền học STEM 730 em x 35 tuần x12.500đ/ tuần	319.375.000	
II	Thu ngân sách		
	Thu ngân sách từ tháng 9/2025-12/2025	4.578.994.000	
	Chi thưởng cho CB,GV,CNV theo NĐ 73 cuối năm 2025	401.254.000	
	Lương và phụ cấp lương còn từ T10-T12/2025	3.980.220.000	
	Chi khác từ T10-T12/2025	197.520.000	
	Tổng thu	7.393.053.000	
B	PHẦN CHI		
1	Vận động tài trợ	355.500.000	0
1.1	Sơn toàn bộ mặt trước và thay gạch nền thềm tầng hai dãy nhà hai tầng hướng tây nhằm chống xuống cấp	90.000.000	
1.2	Khắc phục tình trạng dầm dột tại phòng học số 01 tầng 2 dãy nhà 02 tầng phía bắc	30.000.000	
1.3	Thay tôn sân khấu bằng mái che di động nhằm tạo khoảng sáng cho sân khấu ngoài trời.	40.000.000	
1.4	Chi phí sửa chữa 10 máy tính không chạy, thay 04 bàn phím, 06 chuột, sửa chữa bảo dưỡng 40 máy tính. Mua mới bổ sung 5 máy tính cho phòng tin học.	65.000.000	
1.5	Mua sắm bàn ghế bán trú 02 phòng học(40 bộ x 1.700.000 đ/bộ). Thay thế mặt bàn bán trú 01 phòng học(20 mặt x 750.000 đ/mặt)	83.000.000	
1.6	Mua mới thay thế 02 Smat tivi hãng LG 55 inh lắp phòng học(2 x 9.500.000), chi phí sửa chữa 25 Ti vi hỏng(8.500.000 đ)	27.500.000	
1.7	Chi phí sửa chữa nhỏ bao gồm các chi phí sửa chữa điện nước, thay thế bóng điện phòng học khi bị cháy, quạt hư hỏng cần	20.000.000	

	sửa chữa cho 30 phòng học và phòng chức năng; chi phí sửa chữa điện nước khu vực vệ sinh phía sau nhà đa năng.		
2	Tiền bán trú (Chờ cấp trên phê duyệt) dự trù như năm học trước	978.750.000	0
3	Chi tiền mua đồ dùng học sinh bán trú	37.500.000	0
3.1	Chi mua đồ dùng nhà bếp, bổ sung đồ dùng ở các lớp	37.500.000	
4	Phô tô bài thi học sinh	20.934.000	
4.1	Chi in ấn phô tô bài thi học sinh cả năm	20.934.000	
5	Chi tiền học tiếng anh tăng cường	1.022.000.000	0
5.1	Chi cho trung tâm dạy 80%	817.600.000	
5.2	Trong đó: Chi trả quản lý lớp của GVCN	61.600.000	
5.3	Chi quản lý, phục vụ 15%	153.300.000	
5.4	Tăng cường CSVC, thuế 5%	51.100.000	
6	Chi tiền học STEM	319.375.000	0
6.1	Chi cho trung tâm 40%	127.750.000	
6.2	Chi cho GVCN dạy (71,2 của 60%)	136.437.000	
6.3	Chi quản lý, phục vụ (23,2% của 60%)	44.457.000	
6.4	Tăng cường CSVC, thuế (5,6% của 60%)	10.731.000	
	Tổng chi	2.814.059.000	

Thị trấn ngày 18 tháng 9 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN

Đặng Thị Bình

Lê Đình Bang

PHÒNG GD & ĐT DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN

THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU
Năm học 2023-2024. Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	MỨC THU	CĂN CỨ VĂN BẢN
I	CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH		
1	Gửi xe đạp	12.000 đ/tháng/HS (Đối với những em đăng ký đi xe đạp)	Theo Quyết định số 80/2016//QĐ.UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An
2	BHYT học sinh	56.700đ/HS/tháng (680.400đ/HS/12 tháng)	Theo hướng dẫn liên ngành số 1832 /LN-BHXX GD&ĐT-TĐ ngày 31/8/2023; Thực hiện theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính Phủ; Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ; Công Riêng HS con sỹ quan quân đội, nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân, cơ yếu được cấp thẻ BHYT thông qua BHXH Quân đội, Công an Nhân dân; HS thuộc hộ nghèo, cận nghèo, xã nghèo, bãi ngang được cấp thẻ BHXH hộ nghèo, cận nghèo,
II	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN		
1	Phí hoạt động BD DCMHS	Tự nguyện	Theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện CMHS
2	Bảo hiểm tai nạn rủi	Tự nguyện	

	ro		
III	Các khoản thu thỏa thuận		
1	Tổ chức bán trú	Dự kiến 147.000đ/tháng/HS	Căn cứ Theo Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An
2	Tiền ăn bán trú	Dự kiến 18.000đ/Bữa/HS	
3	Tiếng Anh tăng cường Toán -Tiếng Anh	Dự kiến 20.000đ/01tiết/HS	
4	Tiền Pô tô bài thi định kỳ cho HS	Khối 1,2,3: 18.000đ/em/năm Khối 1,2,3: 36.000đ/em/năm	
5	Tiền mua sắm đồ dùng bán trú lớp 1	Dự kiến 100.000đ/năm/HS	

Thị trấn, ngày 05 tháng 10 năm 2023

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Bình

Lê Đình Bang

PHÒNG GD & ĐT DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN

**CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU – DỰ KIẾN CHI CÁC KHOẢN
NĂM HỌC 2022-2023**

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Gửi xe đạp học sinh		
a	Phần thu theo kế hoạch(60*108.000)	6.480.000	
b	Phần chi	6.480.000	
	- Chi tiền trông giữ xe	2.000.000	
	- Làm thẻ + dây đeo học sinh (60*10.000)	600.000	
	- Chi tu sửa, nâng cấp nhà xe.	3.232.000	
	- Chi Thuế kinh doanh và thuế GTGT	648.000	
2	Phí hoạt động ban đại diện CMHS cấp trường		
a	Phần thu theo kế hoạch(850*100.000)	85.000.000	
b	Phần chi	85.000.000	
1	Văn phòng phẩm phục vụ công tác Hội	6.000.000	
2	Hỗ trợ khen thưởng học sinh các đợt thi đua và cuối năm	12.000.000	
3	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	20.000.000	
4	Công tác phí ban đại diện CMHS cấp trường	6.000.000	
5	Chi thăm hỏi học sinh ốm đau, hộ trợ HS khó khăn tết ND	6.000.000	
6	Chi hội nghị đầu năm, hội họp ban đại diện CMHS cấp trường	15.000.000	
7	Chi chè nước các cuộc họp phụ huynh cả năm học	2.000.000	
8	Hỗ trợ hoạt động chuyển tiếp từ Mầm non lên tiểu học	1.000.000	
9	Khánh tiết các hội nghị của nhà trường và đại hội liên đội	17.000.000	
3	Tổ chức bán trú		
a	Phần thu theo kế hoạch(810*130.000đ*9 tháng)	947.700.000	
b	Phần chi	947.700.000	
1	Trả tiền trực trưa bảo mẫu 24 người	436.800.000	
2	Trực lãnh đạo 1 người	18.200.000	
3	Trực hành chính 1 người	18.200.000	
4	Nấu ăn 12 người	336.000.000	
5	Chi lao công	7.200.000	
6	Chi bảo vệ	7.200.000	
7	Chi tiền điện nước tăng thêm	25.000.000	
8	Chi giấy vệ sinh , chất tẩy rửa	15.000.000	
9	Chi VPP, biên lai thu tiền	4.100.000	
10	Mua đồ dùng bán trú	80.000.000	
4	Kỹ năng sống POKY (800 em x 50.000/ tháng* 9 tháng)	360.000.000	
4.1	Chi về trung tâm 45%	162.000.000	
4.2	Chi tăng cường CSVC 15%	54.000.000	
4.3	Chi Gv dạy 40%	144.000.000	
5	Tiếng Anh tăng cường K1,2,3: 450 em*40.000/ tuần*35 tuần	630.000.000	
	Chi về trung tâm (85%)	535.500.000	
	Tiền trợ giảng 13 lớp *80.000/tuần*35 tuần	36.400.000	
	Chi tăng cường CSVC, thuế 1%, quản lý (15%)	94.500.000	
6	Mua sắm đồ dùng lần đầu(Lớp 1) 165 em *100.000	16.500.000	
	Mua khay , thìa ăn cơm (165*75.000)	12.375.000	
	Mua 26 cái chiếu *158.000	4.125.000	
8	Tiền pô tô(490*18.000đ + 390*36.000đ)	22.860.000	
	Chi pô tô	22.860.000	

8. Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2022-2023 cụ thể:

	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Thay thế 40 mặt bàn ghế học sinh bán trú đã hư hỏng nặng	36.600.000	MB: 665 Mặt ghế: 250
2	Mua mới 12 bàn ghế vi tính 4 chỗ	49.200.000	
3	Mua 09 ti vi + giá lắp ti vi cho các phòng học	94.500.000	
4	Mua 08 bộ máy vi tính phòng Tin học, chi phí sửa chữa máy vi tính phòng tin	85.000.000	
5	Cải tạo sửa chữa phòng y tế phòng đội thành phòng hội trường và chuyển đổi hệ thống bảng biểu phòng hội trường xuống tầng 1	26.000.000	
6	Lắp mới hệ thống mạng Internet Wifi toàn trường	32.000.000	
7	Sửa chữa cải tạo đường điện lưới 3 pha	19.990.000	
8	Mua sắm loa máy, cải tạo sân khấu phục vụ hoạt động ngoài giờ lên lớp	44.000.000	
9	Lợp mái tôn, đổ bê tông sân trước hai phòng học mới	62.000.000	
10	Chi phí sửa chữa nâng cấp điện, nước, nhà vệ sinh	25.000.000	
		474.290.000	

Tổng kinh phí dự kiến cần để vận động tài trợ là: **474.290.000** đồng (*Bốn trăm bảy mươi tư triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*)

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Bình

Lê Đình Bang